TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2024/DS-ST Ngày 27-6-2024 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đắc Tuyền

Ông Phạm Thanh Giản

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 242/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần M; địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Việt Á, số 09 đường D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền 388/2024/UQ-OCB ngày 02 tháng 4 năm 2024); ông Hùng có mặt

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; ông N và bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H có ký theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay số LN2207276340824 ngày 10-08-2022, số tiền vay: 1.350.000.000 đồng; thời hạn vay 120 tháng; mục đích sử dụng vốn: Vay hoàn vốn vay mua BĐS tại thửa đất số 26 tờ bản đồ số 128, địa chỉ : Tổ dân phố 07, phường Hòa Nghĩa, quận D, Thành phố Hải Phòng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh.

Giấy đề nghị vay vốn ký ngày 11-08-2022, số tiền vay: 180.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 18 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: theo quy định của Ngân hàng; lãi suất cho vay quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 130-P5289528 ký ngày 17-08-2022.

Đảm bảo cho các khoản vay trên ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 128, diện tích 198 m^2 tại địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố Hải Phòng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 878563, số vào sổ cấp GCN: CH 00957/Q2 do UBND quận D, TP Hải Phòng cấp ngày 10-10-2016, chuyển nhượng sang tên cho anh Đoàn Kim N tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận D ngày 15-6-2022. Tài sản bảo đảm nêu trên đã thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số: 6340824 ngày 03-8-2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đoàn Kim N bà Đặng Thị H đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền là 118.445.785 đồng, trong đó nợ gốc là 45.467.309 đồng, nợ lãi là 72.978.476 đồng.

Đến ngày 06-02-2023 ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng Việt đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng ông N và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị vay vốn và giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Kim N trình bày: Ông thừa nhận thừa nhận ông và vợ là Đặng Thị H có vay nợ ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị vay vốn và giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với số tiền như Ngân hàng đã khởi kiện là đúng; khoản vay có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu riêng của ông Đoàn Kim N. Ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để ông bà có phương án trả nợ

cụ thể với Ngân hàng, nếu không được thì đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ ông là Đặng Thị H do công việc bận không lên toà án được. Các giấy tờ vợ ông đã nhận và không có ý kiến gì. Bị đơn là bà Đặng Thị H đã nhận được thông báo và Giấy triệu tập của Tòa án nhưng không cung cấp ý kiến và không lên Tòa án để giải quyết.

Từ ngày 29-12- 2023 Ngân hàng TMCP V đã tiến hành bán toàn bộ các khoản nợ của ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-M và Phụ lục đính kèm ký giữa VPBank với Công Ty Cổ Phần M. Theo đó, Ngân hàng đồng ý bán và Công ty Cổ Phần M đồng ý mua (các khoản nợ của ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H đã ký kết với Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng TMCP V đã chuyển giao quyền chủ nợ đối với toàn bộ nghĩa vụ của ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị Huyên. Công ty Cổ Phần M kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với các khoản nợ đã mua và quyền đối với các tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Công ty Cổ Phần M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên, buộc ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị vay vốn và giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tính đến ngày 26-6-2024 tổng số tiền là: 2.090.615.847 đồng, bao gồm: nợ gốc là 1.534.478.146 đồng; nợ lãi trong hạn là 19.330.586 đồng, lãi quá hạn 495.696.262 đồng và phạt chậm trả 41.110.854 đồng. Ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 27-6-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số: 6340824 ngày 03-8-2022. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 128, diện tích 198 m^2 tại địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố Hải Phòng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 878563, số vào sổ cấp GCN: CH 00957/Q2 do UBND quận D, TP Hải Phòng cấp ngày 10-10-2016, đứng tên tên ông Đoàn Kim N tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận D ngày 15-6-2022. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông N và bà H tại khoản vay trên thì ông N và bà H tiếp tục trả nợ cho đến khi thực hiện trả hết toàn bộ khoản vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ quyền sử dụng đất của ông Đoàn Kim N đã thế chấp cho ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M: Buộc Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Cổ phần M đến ngày 26-6-2024 tổng số tiền là: 2.090.615.847 đồng, bao gồm: nợ gốc là 1.534.478.146 đồng; nợ lãi trong hạn là 19.330.586 đồng, lãi quá hạn 495.696.262 đồng và phạt chậm trả 41.110.854 đồng theo Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị vay vốn và giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Kể từ ngày ngày 27-6-2024, ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần M về đề nghị phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa ngân hàng và bị đơn theo quy định pháp luật. Ngoài ra còn đề nghị án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Công ty Cổ phần Mar không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền Ngân hàng TMCP V đã nộp. Bị đơn là ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Công ty Cổ phần M và ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H, mục đích vay tiền là để: Vay hoàn vốn vay mua BĐS và Vay tiêu dùng nên được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án**.** Ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H có nơi cư trú tại tổ dân phố Tân Hợp, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tố tụng của Ngân hàng TMCP V: Tòa án khi tiến hành thụ lý vụ án, ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V cung cấp Hợp đồng mua bán nợ và Phụ lục đính kèm ký giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ Phần M. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xác định nguyên đơn trong vụ án là Công ty Cổ Phần M theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, bị đơn là ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Hợp đồng cho vay số LN2207276340824 ngày 10-08-2022, Giấy đề nghi vay vốn ký ngày 11-08-2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 130-P5289528 ký ngày 17-08-2022 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H đã ký kết vay lần lượt số tiền là 1.350.000.000 đồng, 180.000.000 đồng và 50.000.000đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các điều khoản đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, giải ngân đủ số tiền cho vay cho ông N và bà H; ông N và bà H đã nhận đủ số tiền vay, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo đúng cam kết đã ký trong các khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 26-6-2024 ông N và bà H còn nợ Công ty Cổ phần M tổng số tiền là tổng số tiền là: 2.090.615.847 đồng, bao gồm: nợ gốc là 1.534.478.146 đồng; nợ lãi trong hạn là 19.330.586 đồng, lãi quá hạn 495.696.262 đồng và phạt chậm trả 41.110.854 đồng. Do đó, Công ty Cổ phần M khởi kiện yêu cầu ông N và bà H phải trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với các điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, ông N và bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo kể từ ngày 27-6-2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

[5] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng: Hợp đồng thế

chấp số: 6340824 ngày 03-8-2022, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 128, diện tích 198 m^2 tại địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố Hải Phòng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 878563, số vào sổ cấp GCN: CH 00957/Q2 do UBND quận D, TP Hải Phòng cấp ngày 10-10-2016, đứng tên ông Đoàn Kim N tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận D ngày 15-6-2022. Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp tại các điều 317, 318, 319, 323 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực. Theo Hợp đồng thế chấp nêu trên, ông N và bà H không có khả năng trả nợ đối với các khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN2207276340824 ngày 10-08-2022, Giấy đề nghi vay vốn ký ngày 11-08-2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 130-P5289528 ký ngày 17-08-2022, Công ty Cổ phần M yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với cam kết tại Hợp đồng thế chấp tài sản, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M được chấp nhận nên Công ty Cổ phần M không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 317, 318, 319, 323, 463, 465, 466, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự, các Điều 90, Điều 91, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M: Buộc ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Cổ phần M số tiền 2.090.615.847 (hai tỷ, không trăm chín mươi triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bảy) đồng, bao gồm: nợ gốc là 1.534.478.146 (một tỷ, năm trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi

sáu) đồng; nợ lãi trong hạn là 19.330.586 (mười chín triệu, ba trăm ba mươi nghìn, năm trăm tám mươi sáu) đồng, lãi quá hạn 495.696.262 (bốn trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu đồng, hai trăm sáu mươi hai) đồng và phạt chậm trả 41.110.854 (bốn mươi mốt triệu, một trăm mười nghìn, tám trăm năm mươi tư) đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2207276340824 ngày 10-08-2022, Giấy đề nghi vay vốn ký ngày 11-08-2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 130-P5289528 ký ngày 17-08-2022.

2. Kể từ ngày 27-6-2024, ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các văn bản tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H không trả khoản tiền nợ nêu trên, Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 128, diện tích 198 m2 tại địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố Hải Phòng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 878563, số vào sổ cấp GCN: CH 00957/Q2 do UBND quận D, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10-10-2016, đứng tên ông Đoàn Kim N tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận D ngày 15-6-2022 theo Hợp đồng thế chấp số: 6340824 ngày 03-8-2022.

Nếu tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bị đơn thì bị đơn tiếp tục trả nợ cho đến khi thực trả hết toàn bộ khoản vay

4. Về án phí: Công ty Cổ phần M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP V đã nộp là 30.530.000 (ba mươi triệu nâm trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0002962 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận D. Bị đơn là anh Đoàn Kim N và bà Đặng Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 73.812.000 (bảy mươi ba triệu tám trăm mười hai nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận D;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS Q.D,
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng